|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS YÊN VIÊN** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019 – 2020**  **Môn: ĐỊA LÍ 9** |

1. **CÁC NỘI DUNG**

* Khái quát hoá và hệ thống hoá lại các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; đặc điểm dân cư, xã hội của các vùng.
* Hiểu sâu hơn sự khác biệt giữa các vùng, đánh giá trình độ phát triển kinh tế các vùng và tầm quan trọng của các giải pháp bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế – xã hội.

1. **TRỌNG TÂM NỘI DUNG ÔN TẬP**

Câu 1: Trình bày tình hình kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng

Câu 2: Trình bày tình hình kinh tế vùng Bắc Trung Bộ.

Câu 3: Trình bày tình hình kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

**GỢI Ý**

Tình hình kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

**TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Nền văn mimh độc đáo của ĐBSH thể hiện ở những đặc điểm nào trong kết cấu hạ tầng sau đây?

A. Mạng lưới giao thông dày đặc C. Hệ thống đê điều được xây dựng và bảo vệ từ lâu đời.

B. Đường giao thông nông thôn phát triển D. Cơ sở điện nước được bảo đảm rất đầy đủ.

Câu 2: Vùng có tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao nhất nước ta là

1. Đồng bằng sông Hồng. B. Tây Nguyên.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 9: Trung du và miền núi Bắc Bộ không phải nơi địa bàn cư trú của dân tộc

1. Dao. B. Mông. C. Nùng. D. Khơ - me.

Câu 3: Ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, người Dao sinh sống chủ yếu ở các sườn núi từ

1. 500 – 700m. B. 1000 – 1500m.

C. 700 – 1000m. D. 1500 – 1700m.

Câu 4: Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (đá vôi, xi măng) phân bố chủ yếu ở

1. Đông Nam Bộ. B. Đông bằng sông Hồng.

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 5: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

1. Hải Dương C. Thái Nguyên
2. Tuyên Quang D. Hà Giang

Câu 6: Vùng trồng chè nhiều nhất ở nước ta là

1. Tây Nguyên C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Bắc Trung Bộ D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 7: Hai trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất của nước ta là

1. Đà Nẵng và Cần Thơ. C. TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội.
2. Hải Phòng và TP. Hồ Chí Minh. D. Hà Nội, Đà Nẵng.

Câu 8: Vùng Đồng bằng sông Hồng gồm

1. đồng bằng phù sa do sông Hồng và sông Cả bồi đắp.
2. đồng bằng châu thổ sông Hồng và vịnh Bắc Bộ.
3. đồng bằng châu thổ sông Hồng và vùng vịnh Bắc Bộ.
4. đồng bằng châu thổ, dải đất rìa Trung du và vịnh Bắc Bộ.

Câu 9: Các trung tâm kinh tế quan trọng của DHNTB là :

A. Huế, Tam Kỳ, Quảng Ngãi. C. Tuy Hòa, Phan Rang – Tháp Chàm, Phan Thiết.

B. Hội An, Vĩnh Hảo, Mũi Né. D. Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.

Câu 10: Với diện tích 39.734 km2, số dân 16,7 triệu người. Vậy mật độ dân số của vùng khoảng

A. 420 người/km2. B. 440 người/km2.

C. 430 người/km2. D. 450 người/km2.

Câu 11:Di sản thiên nhiên thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ là

**A.** di tích Mỹ Sơn. **B**. nhã nhạc cung đình Huế. **C.** cố đô Huế. **D.** động Phong Nha.

Câu 12: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 7       B. 8 C. 9      D. 10

Câu 13: Vịnh biển nào sau đây không thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ:

A. Vân Phong, Nha Trang. C. Cam Ranh, Dung Quất.

B. Hạ Long, Diễn Châu. D. Quy Nhơn, Xuân Đài.

Câu 14: Khoáng sản chính của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

A. Sắt, đá vôi, cao lanh. C. Đồng, Apatít, vàng.

B. Than nâu, mangan, thiếc. D. Cát thủy tinh, ti tan, vàng.

Câu 15: Sự khác nhau không phải cơ bản giữa phía Tây và phía Đông của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

A. Địa hình B. Khí hậu C. Dân tộc, ngành nghề D. Kinh tế.

Câu 16. Khó khăn lớn nhất trong sản xuất lương thực của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. mật độ dân cư thấp, thiếu lao động.

B. dân cư thiếu nhiều kinh nghiệm trồng lúa, mùa khô kéo dài.

C. diện tích đất đồng bằng bị thu hẹp, đất nghèo chất dinh dưỡng.

D. hiện tượng hoang mạc hóa, đồng bằng nhỏ hẹp.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây không đúng với dân cư, xã hội của vùng TD&MN Bắc Bộ?

A. Địa bàn cư trú xen kẽ của nhiều dân tộc ít người.

B. Người Kinh cư trú ở hầu hết các địa phương.

C. Đồng bào các dân tộc có nhiều kinh nghiệm thâm canh lúa nước.

D. Có sự chênh lệch đáng kể về một số chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội giữa Đông Bắc và Tây Bắc.

Câu 18. Di sản thiên nhiên thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ là

A. di tích Mỹ Sơn. B. nhã nhạc cung đình Huế. C. cố đô Huế. D. động Phong Nha.

Câu 19. Ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, nghề rừng phát triển mạnh theo hướng nông-lâm kết hợp là nhờ

A. tăng diện tích trồng rừng mới. B. xây dựng mô hình kinh tế VACR.

C. giao đất giao rừng lâu dài cho các hộ nông dân. D. phát triển các trang trại quy mô lớn.

Câu 20. Những ngành công nghiệp quan trọng hàng đầu của vùng Bắc Trung Bộ là

1. chế biến lâm sản và hóa chất. C. điện tử và chế biến lương thực-thực phẩm.
2. luyện kim và sản xuất hàng tiêu dùng. D. khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 21. Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với dân cư, xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Địa bàn cư trú xen kẽ của nhiều dân tộc ít người.

B. Người Kinh cư trú ở hầu hết các địa phương.

C. Đồng bào các dân tộc có nhiều kinh nghiệm thâm canh lúa nước.

D. Có sự chênh lệch đáng kể về một số chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội giữa Đông Bắc và Tây Bắc.

Câu 22: Các di sản văn hóa của thế giới trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

A. Cố đô Huế, nhã nhạc cung đình Huế C. Ca trù, quan họ Bắc Ninh

B. vịnh Hạ Long, Phong Nha- Kẻ Bàng D. Phố cổ Hội An, di tích Mĩ Sơn

Câu 23: Hoạt động kinh tế ở khu vực đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ chủ yếu là:

A. chăn nuôi gia súc lớn, trồng cây công nghiệp hằng năm và lâu năm

B. nuôi bò, nghề rừng, trồng cà phê.

C. công nghiệp, thương mại, thủy sản

D. trồng cây công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, giao thông.

Câu 24: Hoạt động kinh tế ở khu vực đồi núi phía tây vùng Duyên hải Nam Trung Bộ không có ngành:

A. chăn nuôi gia súc lớn C. công nghiệp, thương mại

B. nuôi bò, nghề rừng D. trồng cây công nghiệp

Câu 25.  Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây có lễ hội truyền thống?

1. Bát Tràng.       B. Vạn Phúc.    C. Yên Tử.    D. Tân Trào.

Câu 26. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, ranh giới tự nhiên giữa vùng Đông Bắc và Tây Bắc là

A. sông Hồng. B. sông Đà. C. sông Mã. D. sông Cả.

Câu 27. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, thành phố nào sau đây không phải trực thuộc Trung ương?

A. Huế . B. Đà Nẵng. C. Cần Thơ. D. Hải Phòng.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết Nha Trang thuộc vùng khí hậu nào dưới đây?

A. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ B. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ

C. Vùng khí hậu Tây Nguyên D. Vùng khí hậu Nam Bô

**Câu 29**. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh Phanxipăng thuộc dãy núi

A. Con Voi. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn Bắc. D. Tam Điệp.

**Câu 30.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, đỉnh núi nào sau đây không thuộc vùng núi Đông Bắc?

A. Tây Côn Lĩnh. B. Phu Luông. C. Kiều Liêu Ti. D. Pu Tha Ca.

**Câu 31.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết nhận định nào sau đây đúng nhất về đặc điểm của bốn cánh cung ở vùng núi Đông Bắc?

A. song song với nhau. B. so le với nhau.

C. chụm lại ở Tam Đảo mở rộng về phía Bắc và Đông. D. có hướng Tây Bắc - Đông Nam.

**Câu 32.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13 và 14, hãy cho biết Đồng bằng Bắc Bộ thuộc miền tự nhiên nào sau đây?

A. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ B. Miền Bắc

C. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ D. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

Câu 23. Cho biểu đồ sau:



Hà Nội TP. Hồ Chí Minh

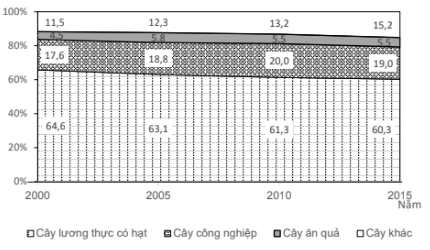
Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây ?

A. Lượng mưa và nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

B. Sự gia tăng nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

C. Nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

D. Biên độ nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Câu 24: Cho biểu đồ:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000-2015

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)*

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây *không đúng* về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích các loại cây trồng theo nhóm cây của nước ta, giai đoạn 2000-2015?

1. Cây lương thực có hạt giảm và luôn lớn nhất.
2. Cây công nghiệp tăng nhiều hơn cây khác.
3. Cây công nghiệp không ổn định và luôn lớn thứ hai.
4. Cây ăn quả luôn nhỏ nhất và không ổn định

Câu 25. Mật độ dân số một số vùng nước ta, năm 2017 (*đơn vị: người/km2*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vùng | Mật độ | Vùng | Mật độ |
| Đồng bằng sông Hồng | 1004 | Duyên hải Nam Trung Bộ | 277 |
| Đông Bắc | 206 | Tây Nguyên | 106 |
| Tây Bắc | 101 | Đông Nam Bộ | 711 |
| Bắc Trung Bộ | 200 | ĐBSCL | 435 |

Để thể hiện mật độ dân số một số vùng trên cả nước, biểu đồ thích hợp nhất là:

A. biểu đồ miền. C. biểu đồ cột.

B. biểu đồ tròn. D. biểu đồ hình cột đôi.